

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.302**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 16/12/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0144	Đỗ Hồng Hà	29/11/1996				
2	TA0145	Hoàng Thị Thu Hồng	25/08/1998				
3	TA0146	Nguyễn Thị Thu	31/08/1998				
4	TA0147	Đỗ Thị Ngọc Anh	28/01/1998				
5	TA0148	Trần Thị Tài Linh	09/01/1998				
6	TA0149	Đỗ Minh Tuấn	17/06/1998				
7	TA0150	Nguyễn Đăng	04/10/1999				
8	TA0151	Vũ Thị Ngọc Ánh	03/09/1998				
9	TA0152	Nguyễn Thu Thảo	26/07/1999				
10	TA0153	Nguyễn Tất Hưng	15/09/1999				
11	TA0154	Lê Thanh Tùng	07/06/1999				
12	TA0155	Mai Thị Loan	26/12/1999				
13	TA0156	Bùi Thị Ngọc	09/02/1998				
14	TA0157	Nguyễn Mạnh Hùng	28/01/1998				
15	TA0158	Nguyễn Anh Tuấn	09/08/1998				
16	TA0159	Nguyễn Thu Hiền	22/09/1999				
17	TA0160	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/06/1998				
18	TA0161	Trần Triệu Long	20/07/1999				
19	TA0162	Bùi Đức Cường	19/09/1999				
20	TA0163	Lê Thị Thanh Hiền	27/03/1999				
21	TA0164	Nguyễn Thị Ngọc Anh	14/11/1999				
22	TA0165	Lưu Thùy Linh	14/04/1999				
23	TA0166	Đặng Thị Ngọc Ly	27/04/1999				
24	TA0167	Nguyễn Duy Đức	09/08/1999				
25	TA0168	Bùi Thị Hằng	16/09/1999				
26	TA0169	Phạm Dương Khánh	27/10/1997				
27	TA0170	Nguyễn Việt Hoàng Tùng	15/12/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)